

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Sử;
- Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Vào năm 2023 ông với bà Nguyễn Thị Kim L được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân do mai mối và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một năm thì đến tháng 08 năm 2024 đến nay cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng có nhiều lần hàn gắn nhưng không được

và vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 08 năm 2024 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Vào năm 2023 bà với ông Nguyễn Tấn T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân do mai mối và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một năm thì đến tháng 08 năm 2024 đến nay cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng có nhiều lần hàn gắn nhưng không được và vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 08 năm 2024 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T với bà Nguyễn Thị Kim L.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn T với bà Nguyễn Thị Kim L là hôn nhân không hợp pháp vì ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.”

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T nhưng do ông Nguyễn Tấn T với bà Nguyễn Thị Kim L không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn T với bà Nguyễn Thị Kim L là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn T với bà Nguyễn Thị Kim L.

2/ Về con chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 012129 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo